

Bản án số: 12/2020/KDTM-PT
Ngày 17.9.2020
V/v T/c hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu

Ông Trần Minh Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Tình – Thẩm phán sơ cấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Vũ Duyên Trường-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09, 17-9-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2020/TLPT-KDTM ngày 09-3-2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2019/KDTM-ST ngày 23-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2020/QĐPT-KDTM ngày 24/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐ-PT ngày 21-7-2020; Thông báo v/v mở lại phiên tòa số 05/2020/TB-TA ngày 17-8-2020; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 04/2020/QĐPT-KDTM ngày 09-9-2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Đ (viết tắt là công ty Đ).

Địa chỉ: đường B, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh C, chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Những người đại diện theo ủy quyền đều là nhân viên của Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Đ gồm: Ông Nguyễn Công T; ông Lê Thanh N; ông Văn Công Đ; ông Hồ Ngọc T1 (đều có mặt).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H (viết tắt là công ty H) (nguyên là Công ty TNHH E).

Địa chỉ: Số M, đại lộ L, phường P, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở hiện nay: Đường H, khu dân cư Y, phường Y, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Matias Baggas Paul B, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: đường B, phường U, Quận O, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH dự án J (viết tắt là Công ty J).

Địa chỉ: ấp J, xã D, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Michael Edward K, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn công ty công ty Đ, những người đại diện theo ủy quyền của công ty Đ trình bày:

Ngày 07-11-2011, công ty Đ và công ty H ký Hợp đồng số P1102 – FD003_0, theo đó công ty Đ sẽ thi công cho công ty H nhà máy xử lý nước cấp và nước thải của Công ty J có trụ sở tại ấp J, xã D, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với tổng giá trị hợp đồng là 8.294.774.000đ, thời hạn thi công là 90 ngày, thời hạn cho phép sửa chữa sai sót là 24 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty Đ thi công theo bản vẽ đã được công ty Đ và công ty H xác nhận. Vì áp lực thời gian thi công nên công ty Đ đã sử dụng ván khuôn cũ nên công ty H không đồng ý. Mặc dù trong hợp đồng không quy định cụ thể công ty Đ phải sử dụng ván khuôn mới, tuy nhiên khi công ty H yêu cầu thì công ty Đ vẫn đồng ý nhưng cần phải có thời gian để nhà cung cấp đưa ván khuôn mới về công trường nên tiến độ thi công công trình bị chậm, do đó ngày 20-12-2011 công ty H gửi fax cho công ty Đ thông báo về việc chấm dứt hợp đồng với công ty Đ với nội dung là “giải thể ngay lập tức” dự án thi công, giải tán cán bộ kỹ thuật và công nhân của công ty Đ ra khỏi công trường để cho công ty khác vào thi công.

Về thời hạn thực hiện hợp đồng: Công ty H ra thông báo chấm dứt hợp đồng vào ngày 20-12-2012 là vẫn còn trong thời hạn thực hiện hợp đồng (90 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng).

Việc thực tế thi công: Công ty Đ mới thi công được phần nền, phần móng cao đang dừng để ốp ván đổ tiếp thì bị chấm dứt hợp đồng.

Về khối lượng thi công: Công ty Đ đã thực hiện và đã được nghiệm thu với giá trị 4.308.970.000đ, giá trị còn lại chưa thực hiện là 3.985.804.000đ, công ty Đ đã được công ty H tạm ứng trước số tiền 829.477.400đ vào ngày 28-11-2011, số tiền còn lại yêu cầu công ty H thanh toán 3.479.492.600đ (đã bao gồm cả giá trị làm đường tạm để thi công công trình với số tiền là 107.890.000đ).

Sau khi công ty Đ dừng thi công thì công ty H không ký xác nhận hiện trường và giá trị còn lại. Công ty Đ đã nhiều lần liên hệ bằng điện thoại và văn bản với công ty H nhưng công ty H cố tình không hợp tác, không phản hồi, nên ngày 13-02-2012 công ty Đ đã căn cứ vào giá trị hoàn thành có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Như Á là đại diện của công ty H để lập hồ sơ đề nghị công ty H thanh toán là 4.308.970.000đ, nhưng công ty H bác bỏ việc ông Á ký xác nhận vào nhật ký công trình vì cho rằng ông Á không phải là nhân viên của công ty H, nhưng sau khi công ty Đ khởi kiện thì Tòa án yêu cầu công ty H cung cấp bảng lương cán bộ sau thời điểm tháng 11, 12 năm 2012 đã chứng minh ông Á là cán bộ của công ty H.

Do tranh chấp nên đến nay công ty Đ vẫn không thanh lý được hợp đồng. Tuy nhiên các hồ sơ kế toán cũng như khối lượng hàng hóa mua vào để thực hiện nhà máy xử lý nước thải thì công ty Đ đã báo cáo thuế, còn hóa đơn giá trị gia tăng thì chưa xuất cho công ty H.

Vì việc chấm dứt hợp đồng là cũng thuộc một phần lỗi của công ty Đ, nên công ty Đ không yêu cầu phạt hợp đồng đối với công ty H. Toàn bộ số tiền công ty Đ yêu cầu khởi kiện phần lớn là giá trị nguyên vật liệu, còn giá trị tiền công không nhiều nên tại phiên tòa sơ thẩm công ty Đ đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền nhân công là 229.310.000đ, chỉ yêu cầu công ty H phải trả tiền gốc là 3.250.182.600đ và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật với mức lãi suất là 9%/năm trên số tiền gốc tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến nay.

Bị đơn công ty H, người đại diện theo ủy quyền của công ty H trình bày:

Thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết nên đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho công ty Đ và đình chỉ giải quyết vụ án.

Về nội dung, công ty H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của công ty Đ yêu cầu công ty H thanh toán 4.308.970.000đ và lãi suất phát sinh vì:

Lý do công ty H chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không cho công ty Đ thi công nữa là vì công ty Đ làm không đạt yêu cầu đưa cốt pha cũ vào sử dụng, công ty H đã nhiều lần gửi thư nhắc nhở thay đổi cốt pha theo đúng yêu cầu nhưng công ty Đ không thực hiện, giai đoạn thi công từng phần không đạt tiến độ nhưng vẫn trong thời hạn thực hiện hợp đồng.

Khi có tranh chấp xảy ra các bên không thanh lý hợp đồng mà công ty H đã thuê Công ty S để thay công ty Đ thực hiện công trình. Trước đây Công ty S có trụ sở tại Quận K, Tp. Hồ Chí Minh nhưng hiện nay đã giải thể.

Đối với việc xác nhận của ông Nguyễn Như Á: Ông Á là nhân viên của công ty H là kỹ sư giám sát công trình vào thời điểm công ty Đ thi công công trình. Hiện nay ông Á không còn làm tại công ty H nữa nên địa chỉ của ông Á ở đâu công ty H không rõ.

Hồ sơ quyết toán công ty Đ gửi thì 01 năm sau công ty H mới nhận được, các xác nhận về khối lượng mà công ty Đ thi công hàng ngày để được công ty H thanh toán thì phải qua quy trình chặt chẽ cụ thể là: Kỹ sư giám sát công trình sẽ xác nhận khối lượng

rồi gửi bản xác nhận và giải trình nhật ký công trình (do kỹ sư giám sát công trình xác nhận) cho giám đốc, giám đốc sẽ kiểm tra và ký duyệt. Do đó trong hồ sơ thanh toán của công ty Đ mới chỉ có một mình cá nhân ông Á xác nhận mà chưa có chữ ký xác nhận của giám đốc nên chưa đủ điều kiện thanh toán.

Đối với các phiếu đề nghị và phiếu nghiệm thu công việc đều có xác nhận của đại diện công ty Đ là ông Trương Xuân G và đại diện cho công ty H là ông Nguyễn Như Á tất cả những phiếu yêu cầu nghiệm thu và nghiệm thu này chỉ xác nhận về khối lượng công việc đã làm mà chưa có công ty tư vấn xác nhận chất lượng công việc đã đạt hay chưa để tiếp tục thực hiện công việc ở mức cao hơn nữa. Theo bà Nhân thì tư vấn giám sát của công trình ở giai đoạn này là của Công ty J.

Qua các chứng cứ là hóa đơn chứng từ mà công ty Đ cung cấp thì công ty H đã xem xét và thấy nhiều điểm không hợp lý vì giữa nhà thầu phụ với nhà thầu chính phải lập nhật ký công trình để xác nhận khối lượng công việc hàng ngày, hơn nữa đối với phần làm đường nội bộ có giá 107.890.000đ thì công ty H không biết phần này có hay không.

Việc công ty H không ký hồ sơ thanh toán là do giá trị công trình không đảm bảo chất lượng, việc hoạch toán không đúng với thực tế mà nó chỉ đúng một phần tương ứng với số tiền công ty H đã tạm ứng trước cho công ty Đ là 829.2477.400đ được xem là đã thanh toán cho toàn bộ giá trị mà công ty Đ đã xây dựng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền của Công ty J trình bày:

Việc tranh chấp giữa công ty Đ và công ty H thì Công ty TNHH dự án J không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan nên không có ý kiến. Đối với hạng mục khu xử lý nước thì Công ty TNHH dự án J ký kết với công ty H đã thực hiện xong, nên xin được giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2019/KDTM-ST ngày 23-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện X đã Căn cứ các Điều 30, 35, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 305, 374, 375, 424 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 75, 76, 81, 107, 108, 109 Luật xây dựng 2003; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của công ty Đ yêu cầu công ty H thanh toán tiền nhân công 229.310.000đ.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện công ty Đ đối với công ty H về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”. Buộc công ty H phải hoàn trả cho công ty Đ số tiền 4.861.460.623đ, trong đó 3.250.182.600đ tiền gốc và 1.611.278.023đ tiền lãi.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí thẩm định, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24-12-2019, công ty H kháng cáo toàn bộ Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2019/KDTM-ST ngày 23-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện X, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án:

- Trong hợp đồng xây dựng đã ký kết giữa công ty Đ với công ty H có thỏa thuận điều khoản trọng tài nên vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng sai thời hiệu khởi kiện của vụ án, vì thời điểm xảy ra tranh chấp là ngày công ty H có Thông báo chấm dứt hợp đồng số P1102-FD003_0 với công ty Đ vào ngày 20-12-2011. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi bổ sung năm 2011 thì thời hiệu khởi kiện là hai năm kể từ ngày 20-12-2011, nhưng ngày 24-09-2014 công ty Đ mới nộp đơn khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết là không đúng.

- Công ty Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng nên bị chấm dứt hợp đồng. công ty Đ không có cơ sở để xác định khối lượng công việc đã làm để yêu cầu thanh toán nhưng án sơ thẩm vẫn tuyên buộc công ty H phải thanh toán là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông L đại diện theo ủy quyền của công ty H có quan điểm:

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết vụ án, vì việc ký kết hợp đồng giữa công ty H và công ty Đ là có thỏa thuận trọng tài, do đó việc án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là không thuộc thẩm quyền theo Điều 6 Luật Trọng tài thương mại và Điều 4, NQ số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20-3-2014 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Ngoài ra thì án sơ thẩm còn vi phạm về thời hiệu khởi kiện, vì thời hiệu khởi kiện là 02 năm kể từ ngày công ty H ra Thông báo chấm dứt hợp đồng số P1102-FD003_0 với công ty Đ vào ngày 20-12-2011, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết vụ án khi thời hiệu khởi kiện đã hết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Căn cứ vào điều lệ của công ty H thì Ông K đại diện công ty H ký hợp đồng xây dựng với công ty Đ là hợp pháp vì Ông K vừa là người đại diện theo pháp luật nhưng đồng thời Ông K cũng là chủ sử dụng lao động. Mặt khác do công ty Đ không có kháng cáo nên quan điểm của công ty Đ về tư cách ký hợp đồng xây dựng của Ông K là không có ý nghĩa tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Ông Thao đại diện theo ủy quyền của công ty Đ trình bày và có quan điểm:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Mặc dù trong hợp đồng Hợp đồng số P1102 – FD003_0 ngày 07-11-2011 công ty Đ đã ký kết với công ty H có điều khoản thỏa thuận trọng tài, tuy nhiên việc thỏa thuận trọng tài là không cụ thể, mặt khác sau khi xảy ra tranh chấp thì công ty H không hợp tác nên công ty Đ không thể gặp gỡ công ty H để

thỏa thuận lại vấn đề trọng tài, do đó công ty Đ khởi kiện công ty H tại Tòa án là phù hợp theo Điều 6 Luật Trọng tài thương mại.

- Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi công ty Đ bị đơn phương chấm dứt hợp đồng thì công ty Đ đã nhiều lần liên hệ với công ty H để thanh quyết toán nhưng công ty H không phản hồi, do đó thời hiệu khởi kiện là từ thời điểm công ty Đ gửi văn bản lần cuối cùng cho công ty H mà không được phản hồi đúng thời hạn trong văn bản công ty Đ đã nêu.

- Ông K là chủ sử dụng lao động nhưng lại đại diện của công ty H ký kết hợp đồng xây dựng với công ty Đ là không đúng tư cách, do đó hợp đồng xây dựng đã ký kết giữa công ty H và công ty Đ bị vô hiệu nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Hợp đồng xây dựng số P1102 – FD003_0 ngày 07-11-2011 công ty Đ và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

- Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Do hợp đồng xây dựng đã ký giữa các bên có điều khoản thỏa thuận trọng tài nên vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại toà trên cơ sở tranh luận tại toa , ý kiến của Kiểm sát viên , Hội đồng xét xử nhận định về nội dung kháng cáo của công ty H như sau:

[1]. Xét kháng cáo của công ty H về tố tụng:

Căn cứ vào Điều 20.6 Hợp đồng số P1102 – FD003_0 ngày 07-11-2011 (BL 81) thể hiện khi công ty Đ và công ty H ký kết hợp đồng xây dựng hạng mục xử lý nước cấp và nước thải cho Công ty J thì các bên có thỏa thuận điều khoản trọng tài giải quyết trong trường hợp xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên điều khoản thỏa thuận về trọng tài trong hợp đồng lại không ghi nhận hình thức trọng tài và nêu rõ tổ chức trọng tài cụ thể.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thao đại diện theo ủy quyền của công ty Đ cho rằng căn cứ vào khoản 5, Điều 43 Luật Trọng tài thương mại quy định, nếu thỏa thuận trọng tài không chỉ rõ hình thức, tổ chức trọng tài thì khi có tranh chấp xảy ra các bên phải thỏa thuận lại hình thức, tổ chức trọng tài để giải quyết tranh chấp, trường hợp không thỏa thuận được thì việc lựa chọn hình thức giải quyết là theo yêu cầu của nguyên đơn. Sau khi công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng với công ty Đ nhưng công ty H đã cố tình không hợp tác nên công ty Đ không thể gặp công ty H để thỏa thuận lại hình thức, tổ chức trọng tài được nên công ty Đ mới khởi kiện công ty H ra Tòa án.

Xét thấy sự trích dẫn điều luật của công ty Đ là chưa đầy đủ và quan điểm của công ty Đ là không đúng theo tinh thần điều luật đã viện dẫn, vì theo khoản 5, Điều 43 Luật

Trọng tài thương mại quy định là, nếu các bên không thỏa thuận được trọng tài “... thì việc lựa chọn hình thức, tổ chức trọng tài để giải quyết tranh chấp được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn”. Điều này có nghĩa là khi các bên đã lựa chọn hình thức, tổ chức trọng tài giải quyết trong trường hợp xảy ra tranh chấp rồi, thì việc tranh chấp đó là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án trừ các trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc trọng tài không thể thực hiện được.

Căn cứ vào Điều 18 Luật Trọng tài thương mại thì việc tranh chấp giữa công ty Đ và công ty H là không thuộc trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Căn cứ vào Điều 4 NQ số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20-3-2014 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì việc tranh chấp giữa công ty Đ và công ty H là không thuộc trường hợp thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được quy định tại Điều 6 Luật Trọng tài thương mại.

[2]. Đối với các yêu cầu kháng cáo khác:

Do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết các vấn đề khác có liên quan đến yêu cầu kháng cáo của công ty H về thời hiệu khởi kiện; tính có căn cứ của các chứng từ yêu cầu thanh toán và số tiền công ty Đ yêu cầu thanh toán. Hội đồng xét xử cũng không xem xét yêu cầu của công ty Đ về tư cách ký kết hợp đồng của Ông K (đại diện công ty H) và tính hợp pháp của Hợp đồng số P1102 – FD003_0 ngày 07-11-2011 vì yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nói chung và Tòa án cấp phúc thẩm nói riêng.

[3]. Về chi phí thẩm định giá, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm công ty Đ tự nguyện nộp và đã nộp đủ nên giữ nguyên.

[4]. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm: Đương sự không phải chịu.

Từ các căn cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, chấp nhận kháng cáo của công ty H, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 6, Điều 18 và khoản 5, Điều 43 Luật Trọng tài thương mại; Điều 4 NQ số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20-3-2014; điểm d, khoản 1, Điều 192 và khoản 4, Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

[1]. Hủy toàn bộ Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số : 13/2019/KDTM-ST ngày 23-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện X và đình chỉ giải quyết vụ án.

[2]. Về chi phí thẩm định giá: Tổng cộng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Đ tự nguyện nộp và đã nộp đủ.

[3]. Án phí Kinh doanh thương mại:

- Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Đ được hoàn trả lại 50.794.000đ (năm mươi triệu, bảy trăm chín mươi tư ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01971 ngày 28/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

- Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn H được hoàn trả lại tổng cộng 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003898 ngày 03-01-2020 và số 0001164 ngày 18-02-2020 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 17-9-2020).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;

Nguyễn Thị Quang